

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG ẢNG  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**1  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HSST

Ngày: 04/8/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Phương**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: **Hảng A Nénh**

2. Bà: **Nguyễn Thúy Hà**

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đỗ Mạnh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Duy Thanh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở, TAND huyện Mường Ảng mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 29/2020/TLST-HS, ngày 07 tháng 7 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HS, ngày 22/7/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lường Văn N;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1980, nơi sinh: huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản Đ, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 1/12; Con ông: Lường Văn D, sinh năm 1934 và con bà Lường Thị D1, sinh năm 1945; Bị cáo có 10 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 08 trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án: 01 tiền án Theo bản án số 13/2014/HSST ngày 19/5/2014 của Tòa án nhân dân Huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội “Hiếp dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 111 của BLHS năm 1999, ngoài ra bản án còn tuyên bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST, 305.500đ án phí DSST có giá ngạch, bồi thường cho bị hại 6.110.000đ. Đến ngày 16/02/2018 bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù nhưng chưa thực hiện bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại do vậy chưa được xóa án tích; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/3/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

\* **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Lê Thị Thúy A – Trợ giúp viên pháp lý, nơi công tác Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, bị cáo Lường Văn N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 17/3/2020 Lường Văn N từ nhà tại Bản Đ, xã M, huyện M đi bộ ra khu vực bản P, xã N, Thành phố Đ tìm mua Heroine để sử dụng. Khi đi đến khu vực bản P, xã N N gặp, hỏi mua được của một người dân ông dân tộc Thái không biết tên tuổi 03 gói Heroine (02 gói được gói bằng mảnh giấy bạc màu vàng và 01 gói được gói bằng mảnh nilon màu xanh) với giá 449.000đ. Sau khi mua được Heroine N đi về nhà, đến khoảng 18 giờ cùng ngày khi N đang đứng chơi tại cổng nhà anh Lò Văn S, sinh năm 1983, trú tại Bản Đ, xã M thì bị tổ công tác Công an huyện Mường Ảng và Công an xã Mường Đăng phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ 03 gói Heroine có tổng khối lượng 0,64 gam.

Theo biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định ngày 17/3/2020 của Công an huyện Mường Ảng và Kết luận giám định số 266/GĐ-PC09, ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận:

- 03 Mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Lường Văn N gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Lường Văn N là: 0,64 gam chất bột màu trắng.

- Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 09, Mục IA, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Tại bản cáo trạng số: 32/CT-VKSMA ngày 06/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Mường Ảng để xét xử bị cáo Lường Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 BLHS.

Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo N: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt Lường Văn N từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

**Về vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu để tiêu hủy: 0,47 gam Heroine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định.

**Án phí:** Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí HSST cho bị cáo.

Nội dung bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo nhất trí với nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 BLHS; Bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt. Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc

biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo N thừa nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của VKSND huyện Mường Ảng, nội dung bản luận cứ bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nội dung vụ án:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo Lương Văn N đã khai và công nhận: Hồi 18 giờ 45 phút ngày 17/3/2020 tại khu vực Bản Đ, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, bị cáo bị bắt vì đang tàng trữ trái phép 0,64 gam Heroine, mục đích của bị cáo tàng trữ để sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 32/CT-VKSMA, ngày 06/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; Bị cáo tàng trữ trái phép 0,64 gam Heroine và bị cáo có tiền án: Theo bản án số 13/2014/HSST ngày 19/5/2014 của Tòa án nhân dân Huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội “Hiếp dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 111 của BLHS năm 1999, ngoài ra bản án còn tuyên bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST, 305.500đ án phí DSST có giá nhạch, bồi thường cho bị hại 6.110.000đ. Đến ngày 16/02/2018 bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù nhưng chưa thực hiện bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại do vậy chưa được xóa án tích; tại Bản án số 13/2014/HSST ngày 19/5/2014 của Tòa án nhân dân Huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 1999 là “Tái phạm”. Vì vậy, hội đồng xét xử có đủ căn cứ buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o (*Tái phạm nguy hiểm*) khoản 2 Điều 249 BLHS.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 249 BLHS quy định: “*Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

...

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:*

...

*o) Tái phạm nguy hiểm”*

[2] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng, gây nguy hại rất lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 10 năm tù, được quy định tại khoản 1 Điều 9 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Xét về hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra: Hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền của nhà nước trong lĩnh vực quản lý và sử dụng các chất ma túy, đã tiếp tay cho các loại tội phạm gia tăng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, cần phải được xử lý nghiêm.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được bố mẹ sinh ra và lớn lên tại xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, bị cáo học hết lớp 1/12 thì nghỉ học ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Đến nay bị cáo chưa có vợ và con. Ngày 18/12/1998 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 06 năm về tội “Hiếp dâm” theo bản án số 274/1998/HSST; ngày 11/5/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án số 82/2006/HSST; ngày 19/5/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa xử phạt 04 năm tù về tội “Hiếp dâm” theo bản án số 13/2014/HSST (đến nay chưa được xóa án tích). Bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo nhận thức rõ việc tàng trữ, mua bán ma túy là vi phạm pháp luật, bị cáo vẫn cố ý mua và tàng trữ trái phép 0,64 gam với mục đích để sử dụng. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo; tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015. Bị cáo không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015.

Bị cáo với nghề nghiệp tự do, thu nhập không ổn định, gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu để tiêu hủy: 0,47 gam Heroine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định.

[6] Đối với người đàn ông dân tộc Thái đã bán ma túy cho bị cáo, do bị cáo không biết tên tuổi và địa chỉ cụ thể của người này ở đâu, nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có đủ cơ sở xác minh làm rõ.

[7] Án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí HSST cho bị cáo.

[8] Quyết định truy tố của VKSND huyện Mường Ảng; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của bị cáo; người bào chữa cho bị cáo qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[9] Trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

**Vì các lẽ trên:**

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Lường Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lường Văn N 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 17/3/2020)

**2. Vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu để tiêu hủy: 0,47 gam Heroine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Mường Ảng và Chi Cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng lập ngày 06/7/2020).*

**3. Án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

**4. Quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Điện Biên
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên.
- VKSND h.Mường Ảng
- Công an h.Mường Ảng
- Chi cục THADS h.Mường Ảng
- Bị cáo; đương sự
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký và đóng dấu)**

**Nguyễn Văn Phương**